

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HÒA BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 47 /2021/QĐ-UBND

Hòa Bình, ngày 20 tháng 8 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế quản lý cụm công nghiệp
trên địa bàn tỉnh Hòa Bình**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÒA BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 68/2017/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 66/2020/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2020 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 68/2017/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 28/2020/TT-BCT ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định, hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 68/2017/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp và Nghị định số 66/2020/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 68/2017/NĐ-CP;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương tại Tờ trình số 1250/TTr-SCT ngày 29 tháng 6 năm 2021 và Công văn số 1611/SCT-QLCN ngày 13 tháng 8 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Hòa Bình.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 09 năm 2021 và thay thế Quyết định số 25/2018/QĐ-UBND ngày 19 tháng 7 năm 2018 của Ủy ban Nhân dân tỉnh, ban hành Quy chế phối hợp quản lý cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Hòa Bình.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban Nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Công Thương, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Giao thông vận tải, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Thủ trưởng các cơ quan cấp tỉnh có liên quan; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Bùi Văn Khánh

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HÒA BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY CHẾ

Quản lý cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Hòa Bình
(Ban hành kèm theo Quyết định số /2021/QĐ-UBND
ngày tháng năm 2021 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Hòa Bình)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy chế này quy định về một số nội dung về công tác quản lý, phát triển cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Hòa Bình.
2. Các nội dung khác không nêu tại Quy chế này thực hiện theo các quy định khác của pháp luật hiện hành có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được viện dẫn trong quy định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo các văn bản mới.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp
 - a) Các doanh nghiệp, hợp tác xã đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp.
 - b) Trung tâm phát triển cụm công nghiệp cấp huyện đã được thành lập theo Quy chế quản lý cụm công nghiệp ban hành kèm theo Quyết định số 105/2009/QĐ-TTg ngày 19 tháng 8 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ.
 - c) Ban Quản lý cụm công nghiệp cấp huyện.
 - d) Đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Công Thương.
2. Đơn vị sản xuất kinh doanh trong cụm công nghiệp: Các doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, cơ sở sản xuất hộ gia đình, cá nhân vào đầu tư sản xuất kinh doanh trong cụm công nghiệp hoặc di dời vào cụm công nghiệp.
3. Các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan đến hoạt động quản lý cụm công nghiệp.

Điều 3. Nguyên tắc và phương thức

1. Nguyên tắc
 - a) Thiết lập mối quan hệ chặt chẽ, trách nhiệm giữa Sở Công Thương với các sở, ban, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện để nâng cao hiệu quả hoạt động quản lý nhà nước đối với cụm công nghiệp.

b) Thực hiện cơ chế quản lý thống nhất từ một đầu mối, tránh tình trạng chồng chéo gây phiền hà cho chủ đầu tư và doanh nghiệp.

c) Các doanh nghiệp thực hiện đầu tư, triển khai dự án và hoạt động trong cụm công nghiệp chấp hành nghiêm các quy định của pháp luật; đồng thời tuân thủ, thực hiện theo đúng Quy chế này, Sở Công Thương và các cơ quan chức năng có trách nhiệm tiếp nhận và trả lời kiến nghị, phản ánh của doanh nghiệp trong cụm công nghiệp đúng thời gian quy định.

2. Phương thức

Tùy theo tính chất, trong quá trình thực hiện sẽ do một cơ quan chủ trì và một hoặc nhiều cơ quan khác phối hợp giải quyết công việc.

a) Đối với cơ quan chủ trì:

- Tổ chức họp với các cơ quan phối hợp để lấy ý kiến tham gia hoặc tổ chức lấy ý kiến của các cơ quan phối hợp bằng văn bản; cơ quan được lấy ý kiến phải có ý kiến trả lời bằng văn bản theo đúng thời gian quy định và chịu trách nhiệm về những nội dung góp ý.

- Sau khi triển khai lấy ý kiến, hướng dẫn, xử lý kiến nghị liên quan đến cụm công nghiệp, cơ quan chủ trì gửi cho Sở Công Thương 01 (một) bản để tổng hợp thông tin và phối hợp thực hiện.

- Tổ chức đoàn khảo sát, điều tra các hoạt động liên quan đến dự án đầu tư, phát triển cụm công nghiệp.

- Cung cấp thông tin về những vấn đề có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan phối hợp.

b) Đối với cơ quan phối hợp:

- Có trách nhiệm tham gia góp ý tại cuộc họp và chịu trách nhiệm về ý kiến góp ý của mình. Trường hợp không thể tham dự cuộc họp, cơ quan phối hợp gửi ý kiến bằng văn bản đến cơ quan chủ trì. Nếu cơ quan phối hợp không gửi ý kiến thì được xem như thống nhất và chấp hành nội dung kết luận của cuộc họp.

- Khi được lấy ý kiến bằng văn bản, cơ quan phối hợp có trách nhiệm trả lời bằng văn bản trong thời hạn quy định. Nếu quá thời hạn trên, cơ quan được lấy ý kiến không có văn bản trả lời thì được xem như đã đồng ý và phải chịu trách nhiệm xử lý nội dung công việc liên quan đến chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

- Các hồ sơ thủ tục liên quan đến cụm công nghiệp, sau khi được cơ quan có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt; đơn vị tham mưu, thực hiện có trách nhiệm gửi Sở Công Thương 01 (một) bộ để phối hợp, theo dõi.

Chương II

QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ CỤM CÔNG NGHIỆP

Điều 4. Xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện pháp luật, cơ chế, chính sách về cụm công nghiệp

1. Sở Công Thương

a) Chủ trì xây dựng, tổng hợp ý kiến đề xuất về kinh phí chương trình hỗ trợ cho các nội dung: Quy hoạch chi tiết tỷ lệ xây dựng 1/500, công tác bồi thường giải phóng mặt bằng, rà phá bom, mìn, đầu tư hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp, đầu tư hạ tầng ngoài hàng rào cụm công nghiệp từ nguồn vốn hỗ trợ ngân sách địa phương gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp để trình Ủy ban Nhân dân tỉnh quyết định.

b) Xây dựng và thực hiện các chương trình hợp tác, liên kết với các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương về phát triển cụm công nghiệp phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội theo vùng, lãnh thổ; tổ chức khảo sát, học tập kinh nghiệm các mô hình phát triển cụm công nghiệp trong nước và quốc tế; Hỗ trợ các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ sản xuất kinh doanh trong cụm công nghiệp về khuyến công, xúc tiến thương mại và tiết kiệm năng lượng. Xây dựng kế hoạch, dự toán kinh phí hoạt động phát triển cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh hàng năm, gửi Sở Tài chính thẩm định, tổng hợp vào dự toán ngân sách địa phương, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư

a) Hướng dẫn quản lý thực hiện dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp theo quy định tại Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công.

b) Phối hợp Sở Công Thương xây dựng cơ chế, chính sách hỗ trợ, khuyến khích doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh đầu tư vào cụm công nghiệp; tổ chức xúc tiến đầu tư, thu hút các nhà đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp; tham mưu trình Ủy ban Nhân dân tỉnh phân bổ kế hoạch vốn hỗ trợ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Hòa Bình và các quy định hiện hành.

3. Sở Tài chính

a) Chủ trì phối hợp với Sở Công Thương và các đơn vị liên quan, thực hiện xác định đơn giá thuê đất, giá thu phí hạ tầng tại các cụm công nghiệp trình UBND tỉnh ban hành theo quy định.

b) Hướng dẫn chủ đầu tư trong việc sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước được hỗ trợ phục vụ phát triển cụm công nghiệp; tổ chức thanh tra, kiểm tra, quyết toán vốn hàng năm đúng quy định hiện hành.

c) Hướng dẫn và tổ chức công tác thẩm tra, kiểm tra quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước.

4. Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã và các đơn vị liên quan: Có trách nhiệm phối hợp trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của đơn vị mình.

Điều 5. Xây dựng phương án phát triển cụm công nghiệp

1. Nội dung, hồ sơ, trình tự xây dựng phương án phát triển cụm công nghiệp

Thực hiện theo quy định tại Khoản 3, Điều 1, Nghị định số 66/2020/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2020 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 68/2017/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp (gọi tắt là Nghị định số 66/2020/NĐ-CP). Cụ thể như sau:

a) Cơ sở xây dựng phương án phát triển cụm công nghiệp:

- Chiến lược phát triển công nghiệp Việt Nam, chiến lược phát triển các ngành, lĩnh vực công nghiệp ưu tiên trên địa bàn;

- Định hướng phát triển kinh tế - xã hội, các quy hoạch vùng, quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành trên địa bàn;

- Nhu cầu diện tích mặt bằng để thu hút, di dời các tổ chức, cá nhân trên địa bàn vào đầu tư sản xuất, kinh doanh trong các cụm công nghiệp;

- Khả năng huy động các nguồn vốn đầu tư của doanh nghiệp, nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác để đầu tư xây dựng hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật các cụm công nghiệp trên địa bàn;

- Yêu cầu bảo vệ môi trường, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả đất và các nguồn lực, tài nguyên khác của địa phương.

b) Nội dung chủ yếu của phương án phát triển cụm công nghiệp:

- Căn cứ pháp lý, sự cần thiết xây dựng phương án phát triển cụm công nghiệp;

- Đánh giá thực hiện các mục tiêu, nội dung chiến lược phát triển công nghiệp Việt Nam, chiến lược phát triển các ngành, lĩnh vực công nghiệp ưu tiên trên địa bàn; dự kiến mục tiêu, nhu cầu phát triển các ngành, lĩnh vực công nghiệp chủ yếu, ưu tiên và dự báo các yếu tố thuận lợi, khó khăn tác động đến phát triển các cụm công nghiệp trong thời kỳ quy hoạch; dự báo nhu cầu mặt bằng sản xuất kinh doanh của các tổ chức, cá nhân đầu tư vào các cụm công nghiệp;

- Đánh giá hiện trạng, tiến độ xây dựng, hiệu quả đầu tư hạ tầng kỹ thuật các cụm công nghiệp trên địa bàn; tình hình thu hút đầu tư, tỷ lệ lấp đầy, quản lý cụm công nghiệp; đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh, công tác bảo vệ môi trường, biện pháp xử lý môi trường, hiệu quả kinh tế - xã hội của từng cụm công nghiệp; những mặt đạt được, hạn chế và nguyên nhân;

- Xây dựng các kịch bản phát triển cụm công nghiệp trên địa bàn; trong mỗi kịch bản có thuyết minh đối với từng cụm công nghiệp gồm tên gọi, vị trí, diện

tích, hiện trạng đất đai trên nguyên tắc hạn chế sử dụng đất đã quy hoạch trồng lúa, đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng; ngành nghề hoạt động (định hướng các ngành, nghề có tính liên kết, trong cùng chuỗi giá trị của sản phẩm, dịch vụ); giải trình cơ sở điều chỉnh phương án phát triển cụm công nghiệp; giải pháp thu hút đầu tư, dự kiến tiến độ thành lập, đầu tư hạ tầng, thu hút lấp đầy và tạo việc làm cho người lao động địa phương; đánh giá khả năng kết nối hạ tầng kinh tế - xã hội ngoài cụm công nghiệp và các yếu tố thuận lợi, khó khăn;

- Đánh giá những thuận lợi, khó khăn của các kịch bản phát triển cụm công nghiệp; đề xuất một kịch bản tối ưu làm phương án phát triển kèm theo danh mục các cụm công nghiệp dự kiến phát triển và thể hiện trên bản đồ gồm: Tên gọi, vị trí, diện tích, ngành nghề hoạt động, tiến độ đầu tư hạ tầng kỹ thuật;

- Giải pháp huy động các nguồn vốn đầu tư hạ tầng, cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển cụm công nghiệp; giải pháp đánh giá, xử lý hiện trạng môi trường, dự báo tác động, biện pháp xử lý môi trường của các cụm công nghiệp dự kiến trong phương án phát triển, đặc biệt cụm công nghiệp đã thành lập, hoạt động trên địa bàn và tổ chức thực hiện.

c) Kinh phí xây dựng, thời kỳ của phương án phát triển cụm công nghiệp thực hiện theo quy định về quy hoạch tỉnh.

2. Trách nhiệm của cơ quan chủ trì và cơ quan phối hợp

a) Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, UBND cấp huyện, đơn vị liên quan xây dựng, hoàn thành phương án phát triển CCN trên địa bàn tỉnh theo quy định tại Khoản 1 Điều này báo cáo UBND tỉnh về phương án phát triển cụm công nghiệp.

b) UBND tỉnh chỉ đạo cơ quan lập quy hoạch tỉnh xử lý, tích hợp phương án phát triển cụm công nghiệp vào quy hoạch tỉnh, lấy ý kiến đối với quy hoạch tỉnh (trong đó có phương án phát triển cụm công nghiệp) theo quy định của pháp luật quy hoạch để hoàn thiện, trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt (có ý kiến của Bộ Công Thương về sự phù hợp, đáp ứng nội dung, quy định đối với phương án phát triển cụm công nghiệp theo quy định về quy hoạch tỉnh).

c) Các sở, ngành, UBND cấp huyện, đơn vị liên quan có trách nhiệm phối hợp theo chức năng, nhiệm vụ của đơn vị mình trong xây dựng phương án phát triển cụm công nghiệp.

Điều 6. Điều chỉnh phương án phát triển cụm công nghiệp

1. Cơ sở điều chỉnh phương án phát triển cụm công nghiệp theo Khoản 5, Điều 1, Nghị định số 66/2020/NĐ-CP. Cụ thể như sau:

a) Có sự điều chỉnh Chiến lược phát triển công nghiệp Việt Nam, chiến lược phát triển các ngành, lĩnh vực công nghiệp ưu tiên trên địa bàn; các quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh và quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành khác trên địa bàn.

b) Có sự điều chỉnh quỹ đất dành cho phát triển cụm công nghiệp để đáp ứng nhu cầu thuê đất đầu tư sản xuất, kinh doanh của các tổ chức, cá nhân và phù hợp với hiệu quả đầu tư xây dựng hạ tầng, khả năng cho thuê của các cụm công nghiệp trên địa bàn cấp huyện.

c) Xác định rõ chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp; trường hợp rút cụm công nghiệp ra khỏi phương án phát triển cụm công nghiệp thì phải xác định rõ phương án chuyển đổi cụm công nghiệp.

2. Nội dung của báo cáo điều chỉnh phương án phát triển cụm công nghiệp thực hiện theo Khoản 6, Điều 1, Nghị định số 66/2020/NĐ-CP.

3. Trách nhiệm của cơ quan, đơn vị

a) Ủy ban nhân dân cấp huyện có văn bản đề xuất điều chỉnh phương án phát triển cụm công nghiệp trên địa bàn, gửi Sở Công Thương.

b) Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, đơn vị liên quan hoàn thành báo cáo điều chỉnh phương án phát triển cụm công nghiệp trên địa bàn theo quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều này; có văn bản báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh về điều chỉnh phương án phát triển cụm công nghiệp.

c) Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo cơ quan lập quy hoạch tỉnh xử lý, tích hợp điều chỉnh phương án phát triển cụm công nghiệp vào điều chỉnh quy hoạch tỉnh, lấy ý kiến đối với điều chỉnh quy hoạch tỉnh (trong đó có điều chỉnh phương án phát triển cụm công nghiệp) theo quy định của pháp luật quy hoạch để hoàn thiện, trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt (có ý kiến của Bộ Công Thương về sự phù hợp, đáp ứng điều kiện, quy định đối với điều chỉnh phương án phát triển cụm công nghiệp theo quy định về quy hoạch tỉnh).

d) Các sở, ngành, UBND cấp huyện, đơn vị liên quan có trách nhiệm phối hợp theo chức năng, nhiệm vụ của đơn vị mình trong điều chỉnh phương án phát triển cụm công nghiệp.

Điều 7. Thành lập, mở rộng cụm công nghiệp

1. Điều kiện thành lập cụm công nghiệp thực hiện theo quy định tại Khoản 1, Điều 10, Nghị định số 68/2017/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp (gọi tắt là Nghị định số 68/2017/NĐ-CP) và được sửa đổi, bổ sung tại Khoản 8, Điều 1, Nghị định số 66/2020/NĐ-CP.

2. Điều kiện mở rộng cụm công nghiệp thực hiện theo quy định tại Khoản 2, Điều 10, Nghị định số 68/2017/NĐ-CP.

3. Hồ sơ, trình tự thành lập, mở rộng cụm công nghiệp thực hiện theo quy định tại Điều 11, 12, Nghị định số 68/2017/NĐ-CP; được sửa đổi, bổ sung tại Khoản 2, Điều 2, Nghị định số 66/2020/NĐ-CP.

4. Trách nhiệm của cơ quan, đơn vị:

a) Ủy ban nhân dân cấp huyện chủ trì, phối hợp với doanh nghiệp, hợp tác xã hoặc đơn vị được giao nhiệm vụ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công

nghiệp lập 8 bộ hồ sơ thành lập, mở rộng cụm công nghiệp theo quy định tại Khoản 2, Điều 12, Nghị định số 68/2017/NĐ-CP.

b) Sở Công Thương:

- Chủ trì phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức thẩm định theo quy định tại Khoản 4, Điều 4, Thông tư số 28/2020/TT-BCT ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định, hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 68/2017/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp và Nghị định số 66/2020/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 68/2017/NĐ-CP (gọi tắt là Thông tư số 28/2020/TT-BCT).

- Thời gian thẩm định kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ thành lập, mở rộng cụm công nghiệp thực hiện theo quy định tại Khoản 3, Điều 12, Nghị định số 68/2017/NĐ-CP.

c) Các sở, ban, ngành liên quan có trách nhiệm phối hợp trong việc thẩm định hồ sơ đề nghị thành lập, mở rộng cụm công nghiệp theo chức năng quản lý ngành.

Điều 8. Quy hoạch chi tiết cụm công nghiệp

1. Quy hoạch chi tiết xây dựng cụm công nghiệp thực hiện theo Điều 17, Nghị định số 68/2017/NĐ-CP. Cụ thể như sau:

a) Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm chỉ đạo cơ quan, đơn vị tổ chức lập, phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng cụm công nghiệp trên địa bàn trước khi thu hút, di dời các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất đầu tư vào trong cụm công nghiệp. Nội dung quy hoạch chi tiết phải phù hợp với Báo cáo đầu tư thành lập, mở rộng cụm công nghiệp, có bố trí hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật bảo vệ môi trường phù hợp với ngành nghề hoạt động của cụm công nghiệp và quy định về xử lý và xả nước thải vào nguồn nước theo quy định của pháp luật.

b) Nội dung, trình tự lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch chi tiết xây dựng cụm công nghiệp thực hiện theo quy định hiện hành về xây dựng. Quy hoạch chi tiết xây dựng làm căn cứ lập, thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp.

c) Trên cơ sở đề nghị của Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo quy hoạch, bố trí quỹ đất ở vị trí phù hợp trên địa bàn để xây dựng nhà ở cho người lao động trong các cụm công nghiệp.

d) Kinh phí lập quy hoạch chi tiết xây dựng cụm công nghiệp được cân đối trong kế hoạch ngân sách địa phương hàng năm; trường hợp doanh nghiệp, hợp tác xã làm chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp, kinh phí lập quy hoạch chi tiết xây dựng thuộc nguồn vốn chuẩn bị đầu tư, được tính vào tổng mức đầu tư của dự án.

2. Trách nhiệm của cơ quan, đơn vị:

a) Ủy ban nhân dân cấp huyện: Chủ trì phối hợp với các sở, ngành liên quan đề xuất vị trí quy hoạch quỹ đất ở phù hợp trên địa bàn để xây dựng nhà ở cho người lao động trong cụm công nghiệp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

b) Sở Xây dựng:

- Hướng dẫn công tác lập, trình thẩm định, trình phê duyệt quy hoạch chi tiết cụm công nghiệp. Hướng dẫn, kiểm tra công tác quản lý quy hoạch xây dựng cụm công nghiệp.

- Tổ chức thẩm định quy hoạch chi tiết, thẩm định dự toán cấm mốc quy hoạch xây dựng cụm công nghiệp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

c) Sở Tài nguyên và Môi trường: Tham gia ý kiến đối với hạ tầng kỹ thuật môi trường phù hợp với ngành nghề hoạt động của cụm công nghiệp và quy định về xử lý chất thải (rắn, lỏng, khí...) và việc xả nước thải vào nguồn nước theo quy định của pháp luật. Cập nhật, bổ sung nhu cầu sử dụng đất, kế hoạch sử dụng đất theo đề xuất trong việc thành lập, mở rộng cụm công nghiệp.

d) Sở Công Thương: Tham gia ý kiến về mục tiêu, tính chất ngành nghề trong cụm công nghiệp, sự phù hợp với quy hoạch ngành công nghiệp, phù hợp với báo cáo đầu tư thành lập, mở rộng cụm công nghiệp và các nội dung khác có liên quan đến hoạt động của cụm công nghiệp.

đ) Sở Giao thông vận tải: Tham gia ý kiến về công trình giao thông trong cụm công nghiệp, khả năng kết nối công trình giao thông ngoài cụm công nghiệp.

e) Các sở, ban, ngành liên quan có trách nhiệm phối hợp theo chức năng, nhiệm vụ của đơn vị mình.

Điều 9. Lập, thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp

1. Nội dung, thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp được thực hiện theo quy định tại Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020; Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng, Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng.

2. Trách nhiệm của cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp

a) Cơ quan chủ trì: Sở Xây dựng có trách nhiệm chủ trì, hướng dẫn nội dung, thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp.

b) Cơ quan phối hợp: Sở Công Thương và các sở, ban, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện và đơn vị có liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ của đơn vị mình có trách nhiệm phối hợp thực hiện.

c) Chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp: Lập dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp trình Sở Xây dựng thẩm định theo quy định.

Điều 10. Lập, thẩm định, phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án đầu tư xây dựng hạ tầng cụm công nghiệp

1. Khi lập dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp, chủ đầu tư tiến hành đồng thời lập Báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) của dự án.

2. Nội dung, thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án thực hiện theo quy định tại Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường và Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường.

3. Trách nhiệm của cơ quan, đơn vị:

a) Cơ quan chủ trì: Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm hướng dẫn chủ đầu tư dự án lập báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định.

b) UBND cấp huyện: Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, kiểm tra, giám sát chủ đầu tư và các doanh nghiệp trong cụm công nghiệp về xây dựng, thực hiện các nội dung trong báo cáo ĐTM đã được cơ quan chức năng có thẩm quyền phê duyệt.

c) Các sở, ban, ngành và đơn vị có liên quan có trách nhiệm phối hợp theo chức năng, nhiệm vụ của đơn vị mình.

Điều 11. Thu hồi đất, cho thuê đất đầu tư cụm công nghiệp

1. Nội dung, hồ sơ, trình tự, thủ tục thu hồi đất, cho thuê đất đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai.

2. Trách nhiệm của cơ quan, đơn vị:

a) Sở Tài nguyên và Môi trường: Tiếp nhận hồ sơ, thẩm định và trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp theo quy định.

b) Ủy ban nhân dân cấp huyện: Chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp xã, cơ quan chuyên môn trực thuộc hỗ trợ thực hiện công tác thu hồi đất, bồi thường giải phóng mặt bằng, tái định cư, nhà ở công nhân, thủ tục triển khai đầu tư vào cụm công nghiệp.

c) Các sở, ngành liên quan: Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện công tác thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định.

Điều 12. Tiếp nhận và thực hiện dự án đầu tư sản xuất kinh doanh vào cụm công nghiệp

1. Các tổ chức, cá nhân có nhu cầu đầu tư, các cơ sở sản xuất có nhu cầu di dời vào cụm công nghiệp (*sau đây gọi là nhà đầu tư thứ cấp*) liên hệ với Chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp để được hướng dẫn về quy hoạch, bố trí ngành nghề, giá thuê đất, nhà xưởng, kho bãi, văn phòng, sử dụng các dịch vụ công cộng, tiện ích chung trong cụm công nghiệp, các thủ tục triển khai dự án đầu tư vào cụm công nghiệp và thỏa thuận nguyên tắc về vị trí, địa điểm, diện tích đất công nghiệp dự kiến thuê.

2. Lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình trong cụm công nghiệp: Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng.

3. Trách nhiệm của cơ quan, đơn vị

a) Chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp:

- Đối với cụm công nghiệp đã có Chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật: Chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cung cấp, thỏa thuận với nhà đầu tư thứ cấp về vị trí, địa điểm, diện tích đất công nghiệp dự kiến thuê; giá thuê đất, nhà xưởng, kho bãi, văn phòng, sử dụng các dịch vụ công cộng, tiện ích chung trong cụm công nghiệp.

- Trường hợp cụm công nghiệp do Ban quản lý cụm công nghiệp cấp huyện hoặc Trung tâm phát triển cụm công nghiệp cấp huyện hoặc đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Công Thương làm chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật thực hiện theo Khoản 4, Điều 20, Nghị định số 68/2017/NĐ-CP.

- Đối với cụm công nghiệp chưa có Chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật: Ủy ban nhân dân cấp huyện hướng dẫn các tổ chức, cá nhân có nhu cầu đầu tư, các cơ sở sản xuất có nhu cầu di dời vào cụm công nghiệp về vị trí, địa điểm, diện tích đất công nghiệp dự kiến thuê.

b) Sở Công Thương:

- Đầu mối tiếp nhận, thẩm định trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định chủ trương đầu tư, cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư các dự án xây dựng hạ tầng kỹ thuật, sản xuất kinh doanh trong cụm công nghiệp.

- Hướng dẫn về quy hoạch, bố trí ngành nghề, các thủ tục triển khai dự án đầu tư vào cụm công nghiệp.

- Báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định cho thuê lại hoặc chuyển nhượng quyền sử dụng đất đã đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật chung, giá cho thuê hoặc bán nhà xưởng, kho bãi, văn phòng và giá các loại dịch vụ công cộng, tiện ích khác đối với các cụm công nghiệp do Ban quản lý cụm công nghiệp cấp huyện hoặc Trung tâm phát triển cụm công nghiệp cấp huyện hoặc đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở Công Thương làm Chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật.

- Phối hợp với Chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp hoặc Ủy ban nhân dân cấp huyện để thỏa thuận nguyên tắc về vị trí, địa điểm, diện tích đất công nghiệp dự kiến thuê.

c) Ủy ban nhân dân cấp huyện: Tham gia ý kiến thẩm định đối với dự án sản xuất kinh doanh vào cụm công nghiệp trên địa bàn theo thẩm quyền.

d) Các sở, ban, ngành liên quan: Có trách nhiệm phối hợp trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của đơn vị mình.

Điều 13. Quản lý các dịch vụ công cộng, tiện ích

1. Cung cấp dịch vụ công cộng, tiện ích

a) Đối với cụm công nghiệp có Chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật: Xây dựng Quy chế quản lý các dịch vụ công cộng, tiện ích chung trong cụm công nghiệp. Có trách nhiệm tổ chức cung cấp, quản lý các dịch vụ công cộng, tiện ích chung trong cụm công nghiệp gồm: Bảo vệ, giữ gìn an ninh trật tự; thông tin liên lạc; cấp nước, thoát nước; vệ sinh môi trường, xử lý nước thải, chất thải; phòng cháy, chữa cháy; duy tu, bảo dưỡng, khai thác các công trình hạ tầng kỹ thuật và các dịch vụ tiện ích khác.

b) Đối với các cụm công nghiệp chưa có Chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật: Ủy ban nhân dân cấp huyện hướng dẫn các tổ chức, cá nhân đầu tư trong cụm công nghiệp tiếp cận, sử dụng các dịch vụ công cộng, tiện ích hiện có trên địa bàn theo quy định pháp luật.

2. Giá sử dụng các dịch vụ công cộng, tiện ích thực hiện theo quy định tại Khoản 1, Điều 19, Nghị định số 68/2017/NĐ-CP.

3. Trách nhiệm của cơ quan, đơn vị

a) Ủy ban nhân dân cấp huyện:

- Hướng dẫn các tổ chức, cá nhân đầu tư trong cụm công nghiệp thực hiện các nội dung của Điểm a, Điểm b, Khoản 1, Điều này.

- Giám sát xây dựng và thực hiện giá dịch vụ công cộng, tiện ích chung trong cụm công nghiệp.

- Phối hợp hướng dẫn xây dựng và theo dõi thực hiện Quy chế quản lý các dịch vụ công cộng, tiện ích chung trong cụm công nghiệp.

c) Các sở, ngành liên quan

Có trách nhiệm phối hợp Ủy ban nhân dân cấp huyện trong việc hướng dẫn Chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp xây dựng Quy chế quản lý các dịch vụ công cộng, tiện ích chung trong cụm công nghiệp theo quy định của pháp luật.

Điều 14. Quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh, công tác thông tin báo cáo

1. Quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh: Thực hiện theo quy định tại Khoản 1, Điều 26, Nghị định số 68/2017/NĐ-CP.

2. Công tác thông tin báo cáo: Thực hiện theo quy định tại Điều 9, Thông tư số 28/2020/TT-BCT. Cụ thể như sau:

a) Định kỳ trước ngày 20 tháng 6 và 20 tháng 12 hàng năm, các tổ chức, cá nhân sản xuất kinh doanh trong cụm công nghiệp báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh trong 6 tháng và cả năm theo Biểu số 1.1 Phụ lục I Thông tư số 28/2020/TT-BCT, gửi Cơ quan thống kê cấp huyện và sao gửi Phòng Kinh tế và Hạ tầng các huyện, Phòng Kinh tế thành phố.

b) Định kỳ trước ngày 20 tháng 6 và 20 tháng 12 hàng năm, chủ đầu tư báo cáo tình hình hoạt động của dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp trong 6 tháng và cả năm theo Biểu số 1.2 Phụ lục I Thông tư số 28/2020/TT-BCT, gửi Cơ quan Thống kê cấp huyện Phòng Kinh tế và Hạ tầng các huyện, Phòng Kinh tế thành phố, Sở Công Thương.

c) Định kỳ trước ngày 25 tháng 6 và 25 tháng 12 hàng năm, Phòng Kinh tế và Hạ tầng các huyện, Phòng Kinh tế thành phố báo cáo tình hình đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật, sản xuất kinh doanh tại các cụm công nghiệp trên địa bàn trong 6 tháng và cả năm theo Biểu số 1.3 Phụ lục I Thông tư số 28/2020/TT-BCT, gửi Sở Công Thương, Ủy ban nhân dân cấp huyện.

d) Định kỳ trước ngày 30 tháng 6 và 31 tháng 12 hàng năm, Sở Công Thương báo cáo tình hình đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật, sản xuất kinh doanh tại các cụm công nghiệp trên địa bàn trong 6 tháng và cả năm theo Biểu số 1.4 Phụ lục I Thông tư số 28/2020/TT-BCT, gửi Ủy ban nhân dân tỉnh và Cục Công Thương địa phương.

Điều 15. Công tác thanh tra, kiểm tra

1. Việc thực hiện thanh tra, kiểm tra theo kế hoạch được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt và thực hiện thường xuyên không quá một lần trong một năm trừ khi có dấu hiệu vi phạm pháp luật. Cơ quan có thẩm quyền thanh tra, kiểm tra thường xuyên phối hợp với Sở Công Thương, Ủy ban nhân dân cấp huyện và chủ đầu tư kinh doanh hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp phải thực hiện công tác phòng ngừa, xử lý các hành vi vi phạm pháp luật trong cụm công nghiệp.

2. Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, địa phương thanh tra, kiểm tra, đánh giá thực hiện Phương án phát triển cụm công nghiệp, chính sách, pháp luật, hiệu quả hoạt động của cụm công nghiệp. Chủ trì đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xử lý vi phạm theo quy định đối với các dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp, sản xuất kinh doanh trong cụm công nghiệp hoạt động kém hiệu quả, không triển khai hoặc triển khai chậm tiến độ, xin gia hạn nhiều lần, vi phạm pháp luật.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 16. Trách nhiệm thi hành

Các sở, ban, ngành thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp huyện; Ủy ban nhân dân cấp xã; các cơ quan, đơn vị liên quan có trách nhiệm tổ chức thực hiện theo đúng các nội dung quy định tại Quy chế này.

Điều 17. Tổ chức thực hiện

1. Sở Công Thương có trách nhiệm theo dõi, kiểm tra và đôn đốc việc triển khai thực hiện Quy chế này; tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh định kỳ trước ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc các cơ quan, đơn vị, địa phương, tổ chức, cá nhân kịp thời phản ánh về Sở Công Thương để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.